

CÔNG KHAI

(Theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT ngày 28/12/2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo)

THÔNG BÁO

**Cam kết chất lượng giáo dục của trường Mầm non Tân Hưng
Năm học 2021 - 2022**

STT	Nội dung	Nhà trẻ	Mẫu giáo
I	Chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc giáo dục trẻ dự kiến đạt được	- Hoàn thành chương trình chăm sóc giáo dục theo chương trình giáo dục mầm non hiện hành.	- Hoàn thành chương trình chăm sóc giáo dục theo chương trình giáo dục mầm non hiện hành.
		- Khẩu phần dinh dưỡng dự kiến đạt: 63%/ calo/ ngày	- Khẩu phần dinh dưỡng dự kiến đạt 52%/ calo/ ngày
		- Khám sức khỏe: 01 lần/năm	- Khám sức khỏe: 01 lần/năm
		- Tẩy giun: 02 lần/năm	- Tẩy giun: 02 lần/năm
		- Tỷ lệ giảm suy dinh dưỡng (SDD) dự kiến so với đầu năm:	- Tỷ lệ giảm suy dinh dưỡng (SDD) dự kiến so với đầu năm học:
		+ SDD thể nhẹ cân: Giảm: 01/01 Tỷ lệ: 100%	+ SDD thể nhẹ cân: Giảm: 02/02 Tỷ lệ: 100%
		+ SDD thể gầy còm: 00	+ SDD thể gầy còm: 00
		+ SDD thể thấp còi: Giảm: 02/03 tỉ lệ: 66,66 %	+ SDD thể thấp còi: 00 Giảm: 01/01 tỉ lệ: 100%
II	Chương trình giáo dục mầm non của nhà trường thực hiện	Thực hiện theo Thông tư 01/VBHN-BGDĐT ngày 13/4/2021 về ban hành chương trình giáo dục mầm non của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo	Thực hiện theo Thông tư 01/VBHN-BGDĐT ngày 13/4/2021 về ban hành chương trình giáo dục mầm non của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo
III	Kết quả đạt được trên trẻ theo các lĩnh vực phát triển	➤ Thể chất: - 95% trẻ thực hiện được vận động cơ bản và một số tổ chức vận động ban đầu (nh nhàng, khéo léo, thăng bằng cơ thể); - Có khả năng phối hợp khéo léo cử động của bàn tay, ngón tay. Thực hiện phối hợp tay – mắt, phối hợp tay – chân – cơ thể, thể hiện sức mạnh của cơ bắp.	➤ Thể chất: - Tập các động tác phát triển các nhóm cơ và hô hấp; - Tập luyện các kỹ năng vận động cơ bản và phát triển các tổ chức trong vận động; - Nhận biết một số món ăn, thực phẩm thông thường và lợi ích của việc ăn uống đối với sức khỏe;

STT	Nội dung	Nhà trẻ	Mẫu giáo
			- Tập làm một số việc tự phục vụ trong sinh hoạt.
		➤ Tình cảm xã hội: - Có khả năng cảm nhận và biểu lộ cảm xúc với con người sự vật gần gũi; - Thực hiện một số quy định đơn giản trong sinh hoạt; - Thích hát, nghe hát và vận động theo nhạc.	➤ Tình cảm xã hội: - Có ý thức về bản thân, có khả năng nhận biết và thể hiện tình cảm với con người, sự vật, hiện tượng xung quanh; - Có một số phẩm chất: mạnh dạn, tự tin, biết chia sẻ, biết lắng nghe; - Có một số kỹ năng sống: tôn trọng, hợp tác, thân thiện, quan tâm chia sẻ.
		➤ Nhận thức: - Thích tìm hiểu khám phá thế giới xung quanh; - Có một số hiểu biết ban đầu về bản thân và các sự vật gần gũi quen thuộc.	➤ Nhận thức: - Ham hiểu biết, thích tìm hiểu khám phá các sự vật, thế giới xung quanh; - Có khả năng quan sát, so sánh, phán đoán;
			- Có khả năng diễn đạt tình cảm thông qua hành động và ngôn ngữ;
			- Có một số khái niệm sơ đẳng về toán.
		➤ Ngôn ngữ: - Nghe hiểu được các yêu cầu đơn giản bằng lời nói; - Biết hỏi và trả lời một số câu hỏi đơn giản bằng lời nói cử chỉ; - Sử dụng lời nói để giao tiếp, diễn đạt nhu cầu; - Có khả năng cảm nhận nhịp điệu, vần điệu của câu thơ và ngữ điệu của lời nói; - Hồn nhiên trong giao tiếp.	➤ Ngôn ngữ: - Có khả năng lắng nghe, hiểu lời nói trong giao tiếp hàng ngày; - Có khả năng biểu đạt bằng nhiều cách khác nhau (lời nói, nét mặt, cử chỉ, điệu bộ...) - Diễn đạt rõ ràng và giao tiếp có văn hóa trong đời sống hằng ngày; - Có khả năng nghe và kể lại sự việc, kể lại truyện; - Có khả năng cảm nhận nhịp điệu, vần điệu của bài thơ, ca dao, đồng dao phù hợp với độ tuổi; - Có một số kỹ năng ban đầu về đọc viết.

STT	Nội dung	Nhà trẻ	Mẫu giáo
			➤ Thẩm mỹ: - Có khả năng cảm nhận vẻ đẹp thiên nhiên, cuộc sống và tác phẩm nghệ thuật; - Có khả năng thể hiện cảm xúc trong hoạt động âm nhạc, tạo hình; - Yêu thích hào hứng tham gia các hoạt động nghệ thuật.
IV	Các hoạt động hỗ trợ chăm sóc giáo dục trẻ ở cơ sở giáo dục mầm non	- Trẻ tham gia các hoạt động lễ hội như: Ngày hội bé đến trường; Trung Thu; Bé yêu Cô 20/11; Bé và Ông Noel; Bé vui đón Xuân; Lễ 8/3; Giỗ tổ Hùng Vương; Ngày Sinh nhật Bác Hồ; ...	- Trẻ tham gia các hoạt động lễ hội như: Ngày hội bé đến trường; Trung Thu; Bé yêu Cô 20/11; Bé và Ông Noel; Bé vui đón Xuân; Lễ 8/3; Giỗ tổ Hùng Vương.
			- Tham quan trải nghiệm kỹ năng sống tại: Siêu thị, Nhà Tưởng niệm bác Hồ, Trường Tiểu học, ...
			- Các lớp học ngoại khoá: Anh văn, Thể dục nhịp điệu, Vẽ.

Nơi nhận:

- CB-GV-NV;
- Cha mẹ HS;
- Lưu: VT.

Quận 7, ngày 29 tháng 6... năm 2022



HIỆU TRƯỞNG

Lý Thị Hạnh Dung

THÔNG BÁO
Công khai chất lượng giáo dục mầm non thực tế
Năm học 2021 - 2022

Số TT	NỘI DUNG	Tổng số trẻ em	NHÀ TRẺ		MẪU GIÁO		
			19-24 tháng	25-36 tháng	3-4 tuổi	4-5 tuổi	5-6 tuổi
I	Tổng số trẻ em	446	24	61	103	119	139
1	- Số trẻ em học 2 buổi/ngày	446	24	61	103	119	139
2	- Số trẻ em khuyết tật học hòa nhập	00	00	00	00	00	00
II	Số trẻ em được tổ chức ăn bán trú	446	24	61	103	119	139
III	Số trẻ em được kiểm tra định kỳ sức khỏe	446	24	61	103	119	139
IV	Số trẻ em được theo dõi sức khỏe bằng biểu đồ tăng trưởng	446	24	61	103	119	139
V	Kết quả phát triển sức khỏe của trẻ em						
1	- Số trẻ cân nặng bình thường	403	22	59	98	108	116
2	- Số trẻ suy dinh dưỡng thể nhẹ cân						
3	- Số trẻ có chiều cao bình thường						
4	- Số trẻ suy dinh dưỡng thể thấp còi	1	1				
5	- Số trẻ thừa cân béo phì	42	1	2	5	11	23
VI	Số trẻ em học các chương trình chăm sóc giáo dục	446	24	61	103	119	139
1	- Chương trình giáo dục nhà trẻ	85	24	61			
2	- Chương trình giáo dục mẫu giáo	361			103	119	139

Nơi nhận:

- CB-GV-NV;
- Cha mẹ học sinh;
- Lưu: VT.

HIỆU TRƯỞNG

Lý Thị Hạnh Dung

ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 7
TRƯỜNG MẦM NON TÂN HƯNG

THÔNG BÁO
Công khai thông tin cơ sở vật chất của trường Mầm non Tân Hưng
Năm học 2021-2022

STT	Nội dung	Số lượng	Bình quân
I	Tổng số phòng	14	1,3m ² /trẻ em
II	Loại phòng học		-
1	Phòng học kiên cố	14	
2	Phòng học bán kiên cố	00	-
3	Phòng học tạm	00	-
4	Phòng học nhờ	00	-
III	Số điểm trường	01	-
IV	Tổng diện tích đất toàn trường (m ²)	2.034,8	4,56 m ² /trẻ em
V	Tổng diện tích sân chơi (m ²)	657,87	1,47 m ² /trẻ em
VI	Tổng diện tích một số loại phòng		
1	Diện tích phòng sinh hoạt chung (m ²)	797,139	1,8 m ² /trẻ em
2	Diện tích phòng ngủ (m ²)	/	
3	Diện tích phòng vệ sinh (m ²)	148,74	0,33 m ² /trẻ em
4	Diện tích hiên chơi (m ²)	782,92	1,75 m ² /trẻ em
5	Diện tích phòng giáo dục thể chất (m ²)	58,8	
6	Diện tích phòng giáo dục nghệ thuật hoặc phòng đa chức năng (m ²)	58,8	
7	Diện tích nhà bếp và kho (m ²)	58,8	
VII	Tổng số thiết bị, đồ dùng, đồ chơi tối thiểu (Đơn vị tính: bộ)	14	14 bộ/14 nhóm (lớp)
1	Số bộ thiết bị, đồ dùng, đồ chơi tối thiểu hiện có theo quy định	14	14 bộ/14 nhóm (lớp)
2	Số bộ thiết bị, đồ dùng, đồ chơi tối thiểu còn thiếu so với quy định	0	

VIII	Tổng số đồ chơi ngoài trời	7 bộ	7 bộ/6 sân chơi
IX	Tổng số thiết bị điện tử-tin học đang được sử dụng phục vụ học tập (máy vi tính, máy chiếu, máy ảnh kỹ thuật số v.v...)	22	
X	Tổng số thiết bị phục vụ giáo dục khác (Liệt kê các thiết bị ngoài danh mục tối thiểu theo quy định)		Số thiết bị/nhóm (lớp)
1	Ti vi	15	1
2	Máy PHOTO COPY	01	
3	Thiết bị khác (Âm thanh, tài sản lớn)	13	
4	Bàn ghế đúng quy cách	Bàn: 300 cái Ghế: 630 cái	
5	Camera an ninh	01 bộ	
6	Loa phát thanh	01 bộ	

		Số lượng(m ²)				
XI	Nhà vệ sinh	Dùng cho giáo viên	Dùng cho học sinh		Số m ² /trẻ em	
			Chung	Nam/Nữ	Chung	Nam/Nữ
1	Đạt chuẩn vệ sinh*	14	14		0,33	
2	Chưa đạt chuẩn vệ sinh*					

(*Theo Quyết định số 14/2008/QĐ-BGDĐT ngày 07/4/2008 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Điều lệ Trường mầm non và Thông tư số 27/2011/TT-BYT ngày 24/6/2011 của Bộ Y tế ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nhà tiêu- điều kiện bảo đảm hợp vệ sinh)

		Có	Không
XII	Nguồn nước sinh hoạt hợp vệ sinh	X	
XIII	Nguồn điện (lưới, phát điện riêng)	X	
XIV	Kết nối internet	X	
XV	Trang thông tin điện tử (website) của cơ sở giáo dục	X	
XVI	Tường rào xây	X	
..			

Nơi nhận:

- CB-GV-NV;
- Cha mẹ học sinh;
- Lưu: VT

Quận 7, ngày 29..tháng ..6.... năm 2022 mal

HIỆU TRƯỞNG

[Signature]
Lý Thị Hạnh Dung

ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 7
TRƯỜNG MẦM NON TÂN HƯNG

THÔNG BÁO

**Công khai thông tin về đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý và nhân viên
của trường Mầm non Tân Hưng, năm học 2021 - 2022**

S TT	Nội dung	Tổng số	Trình độ đào tạo						Hạng chức danh nghề nghiệp			Chuẩn nghề nghiệp			
			TS	ThS	ĐH	CĐ	TC	Dưới TC	Hạng IV	Hạng III	Hạng II	Tốt	Khá	Trung bình	Kém
	Tổng số giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên	48		03	21	09	03	12	16	07	10	28	05		
I	Giáo viên	30		01	20	08	01		16	06	08	25	05		
1	Nhà trẻ	07			05	01	01		05	00	02	5	2		
2	Mẫu giáo	23		01	15	7	00		11	06	06	20	3		
II	Cán bộ quản lý	3		02							03	03			
1	Hiệu trưởng	01		01							01	01			
2	Phó hiệu trưởng	02		01	01					01	01	02			
III	Nhân viên	15				01	02	12							
1	Nhân viên văn thư	01					01								
2	Nhân viên kế toán	01				01									
3	Thủ quỹ	01					01								
4	Nhân viên y tế	00													
5	Nhân viên khác	12						12							

Nơi nhận:

- CB-GV-NV;
- Cha mẹ học sinh;
- Lưu: VT.



HIỆU TRƯỞNG

Lý Thị Hạnh Dung